



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM
VIETNAM NATIONAL REINSURANCE CORPORATION

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH 2024 & PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2025

Nội dung

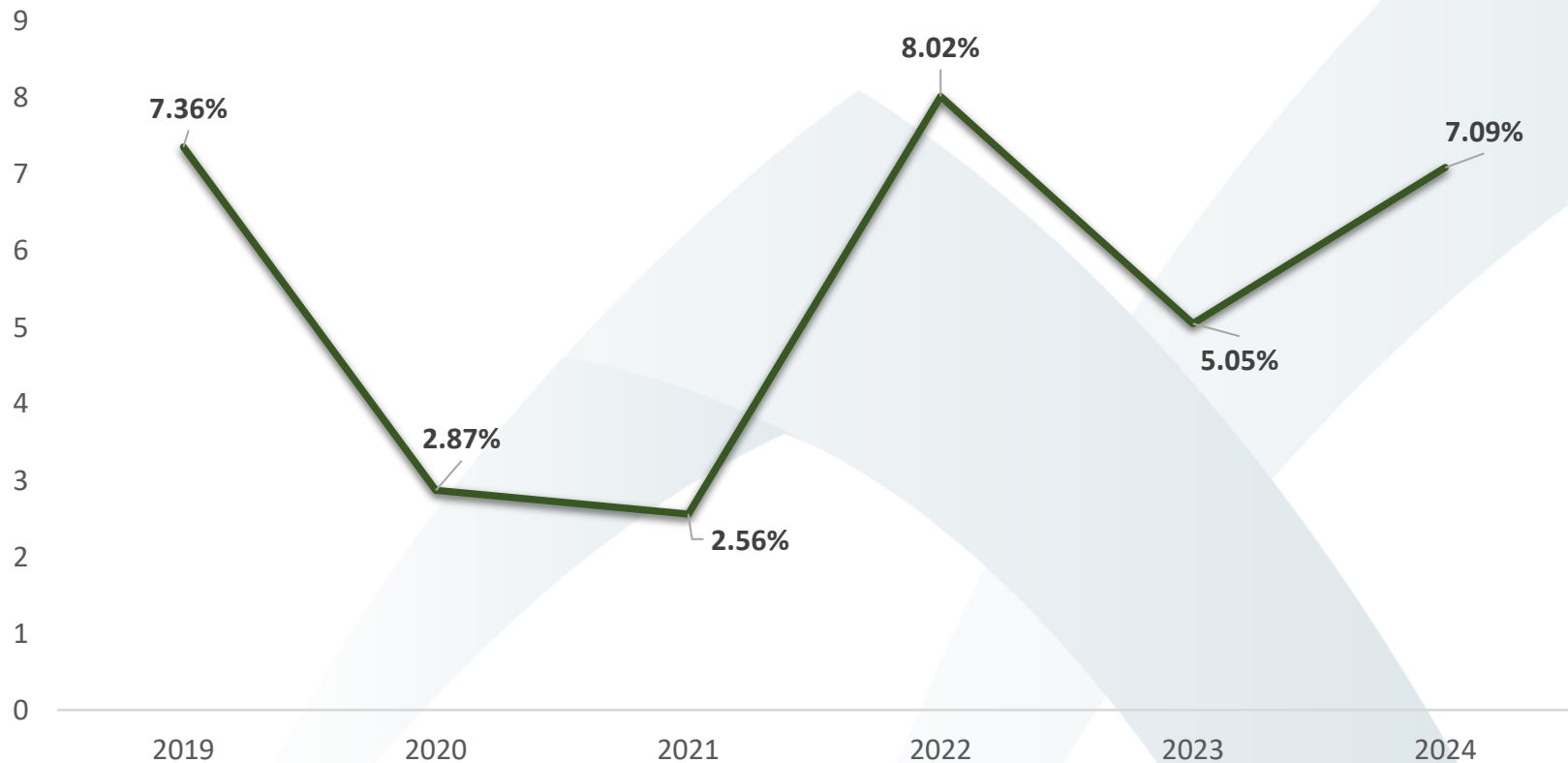
- 1 Kinh tế Việt Nam và Thị trường bảo hiểm 2024**
- 2 Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2024**
- 3 Kết quả đầu tư tài chính 2024**
- 4 Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2025**

Tình hình kinh tế Việt Nam năm 2024

- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2024 tăng 7.09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3.27%, đóng góp 5.37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8.24%, đóng góp 45.17%; khu vực dịch vụ tăng 7.38%, đóng góp 49.46%.
- Xuất nhập khẩu ghi nhận mức tăng trưởng rõ rệt. Tính chung cả năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 405.53 tỷ USD, tăng 14.3% so với năm trước, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 380.76 tỷ USD, tăng 16.7%.
- Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước đạt 3,692.1 nghìn tỷ đồng, tăng 7.5% so với năm trước.
- Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt 38.23 tỷ USD, giảm 3.0% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam năm 2024 ước đạt 25.35 tỷ USD, tăng 9.4%.
- Chỉ số giá tiêu dùng bình quân (CPI) của Việt Nam năm 2024 tăng 3.63% so với năm 2023, lạm phát đã được kiểm soát dưới ngưỡng cho phép của Quốc hội.

Tăng trưởng GDP qua các năm

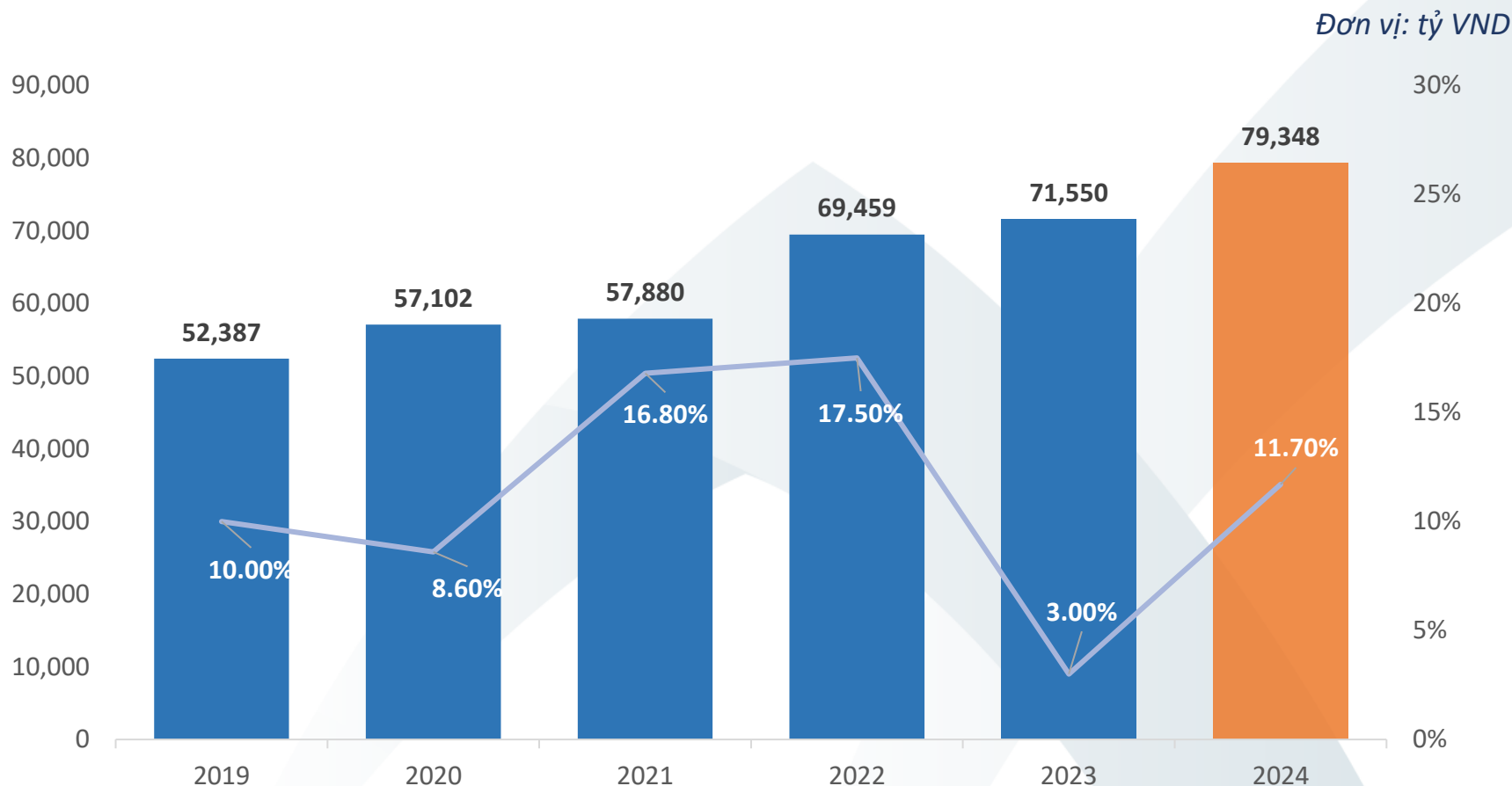
Tăng trưởng GDP qua các năm



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2024

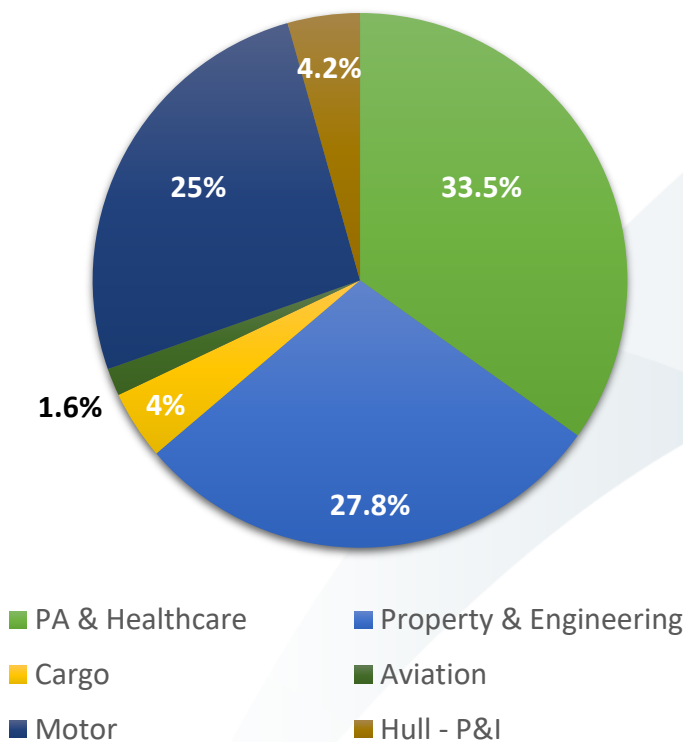
DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ QUA CÁC NĂM



Nguồn: HHBHVN

Doanh thu phí thị trường theo nghiệp vụ 2024

Tỷ trọng theo nghiệp vụ



Tốc độ tăng trưởng theo nghiệp vụ

Nghiệp vụ	Tỷ lệ tăng trưởng
BH Con người, sức khỏe	20.8%
BH Tài sản, Kỹ thuật	8.4%
BH Hàng Hóa	12.9%
BH Hàng không	-8.9%
BH Xe cơ giới	5.3%
BH Tàu (Thân tàu, P&I)	13.1%
BH trách nhiệm	6.7%

Nguồn: Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam

Thị trường bảo hiểm Việt Nam 2024

- Theo số liệu của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm phi nhân thọ tăng trưởng 11.7% trong năm 2024, mức phục hồi mạnh mẽ so với tỷ lệ tăng trưởng chỉ 2.3% trong năm 2023.
- Các nghiệp vụ bảo hiểm cá nhân (chiếm gần 60% thị phần) bao gồm bảo hiểm con người, sức khỏe tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của thị trường với sự tăng trưởng mạnh của nghiệp vụ con người (tăng 21%) và sự hồi phục tốt của nghiệp vụ xe cơ giới (tăng 7%).
- Các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại như Tài sản, Kỹ thuật vẫn duy trì được đà tăng trưởng, tuy nhiên tốc độ tăng được ghi nhận giảm so với năm 2023 do tác động của Nghị định 67 (Nghiệp vụ Tài sản) và sự chậm lại của giải ngân vốn đầu tư công (Nghiệp vụ Kỹ Thuật). Nghiệp vụ bảo hiểm Hàng hóa ghi nhận tốc độ tăng trưởng lên đến gần 13% (sau khi giảm đến 11% trong năm 2023) nhờ sự phục hồi tích cực của các hoạt động xuất nhập khẩu.
- Tình hình cạnh tranh phi kỹ thuật thông qua hạ phí và mở rộng điều kiện điều khoản vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt đối với hầu hết các nghiệp vụ (cả bảo hiểm cá nhân và bảo hiểm thương mại).
- Tình hình tổn thất “man-made” trên thị trường nhìn chung diễn biến khá tích cực khi tần suất và mức độ tổn thất đều giảm mạnh. Tuy nhiên tháng 9/2024 thị trường hứng chịu tổn thất nặng nề từ cơn bão Yagi – tổn thất thiên tai lớn nhất từ trước đến nay ảnh hưởng đến thị trường bảo hiểm Việt Nam, với số ước tổn thất lên đến hơn 400 triệu USD. Tổn thất từ bão Yagi đã ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh nghiệp vụ của hầu hết doanh nghiệp và tác động trực tiếp đến mùa tái tục 2024/2025 vừa qua.

Kết quả chung 2024

Các giải thưởng tiêu biểu trong năm 2024

Cuộc bình chọn Doanh nghiệp niêm yết 2024 (VLCA):

- ❖ Top 10 doanh nghiệp nhóm ngành tài chính có Báo cáo thường niên tốt nhất
- ❖ Top 10 doanh nghiệp Quản trị công ty tốt nhất nhóm vốn hóa vừa

FAST500

TOP 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam 2024

PROFIT500

Top 500 Doanh nghiệp lợi nhuận nhất 2024

VNR500

Top 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

Vietnam Report

Top 10 DN Quản trị công ty tốt năm 2023-2024 (HNX)

Bảng xếp hạng Doanh nghiệp đạt chuẩn công bố thông tin 2024 (Vietstock)

Top 10 Thương hiệu Mạnh

Tăng trưởng ấn tượng 2024 (VnEconomy – VN Economic Times)

VALUE 500

TOP 500 Doanh nghiệp tạo giá trị hàng đầu Việt Nam năm 2024 (Báo Đầu tư và Viet Research)

TOP 50 Doanh nghiệp tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam – VNCG50 (VIOD)

Bằng khen của BT Bộ Tài chính vì “Đã có thành tích đóng góp cho sự phát triển của thị trường Bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2022 – 2023”

Giấy khen của Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam cho tập thể VINARE vì “Đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động kinh doanh năm 2023”

Kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2024	TH/KH 2024	Thực hiện 2023	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	3,153,316	2,918,000	108.1%	2,677,422	17.8%
<i>Các nghiệp vụ TBH cốt lõi</i>	<i>2,903,724</i>	<i>2,778,000</i>	<i>104.5%</i>	<i>2,540,491</i>	<i>14.3%</i>
<i>Nghiệp vụ PA</i>	<i>249,593</i>	<i>140,000</i>	<i>178.3%</i>	<i>136,932</i>	<i>82.3%</i>
Lợi nhuận trước thuế	465,332	463,000*	100.5%	473,642	-1.8%

* Kế hoạch lợi nhuận 2024 điều chỉnh do ảnh hưởng tổn thất bão Yagi (Nghị quyết 24/2024/NQ-HĐQT ngày 21/11/2024 của HĐQT)

Kết quả kinh doanh Tái bảo hiểm 2024

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Thực hiện 2024		Thực hiện 2023		So sánh cùng kỳ (%)	
	Core	Banca PA	Core	Banca PA	Core	Banca PA
Phí Nhận TBH	2,903,724	249,593	2,540,491	136,932	114.3%	182.3%
Phí Nhượng TBH	(1,413,286)	-	(1,298,855)	-	108.8%	-
Phí giữ lại	1,490,438	249,593	1,241,635	136,932	120.0%	182.3%
Giảm/(Tăng) dự phòng phí	(134,642)	(56,330)	(174,332)	130,301	77.2%	-
Thu nhập phí	1,355,797	193,262	1,067,302	267,234	127.0%	72.3%
Chi Bồi thường thực trả (Net)	(565,511)	(6,359)	(460,320)	(2,628)	122.9%	242.0%
Giảm/(Tăng) DPBT	(209,904)	(5,660)	(66,330)	13,200	317.4%	-
Bồi thường thuộc TN giữ lại	(775,415)	(12,019)	(526,651)	10,573	147.4%	-
Tỷ lệ BT/Thu nhập phí (%)	57.2%	6.2%	49.3%	4,0%	-	-

Doanh thu phí nhận theo nghiệp vụ

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Nghiep vụ	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	So sánh cùng kỳ (%)	Kế hoạch 2024	Sosánh TH/KH (%)
Kỹ thuật	428,853	389,236	110.2%	424,000	101.1%
Tài sản	1,045,415	999,948	104.5%	1,154,000	90.6%
Hàng hải	543,916	534,081	101.8%	532,000	102.2%
Hỗn hợp	885,540	617,226	143.5%	668,000	132.6%
Cộng	2,903,724	2,540,491	114.3%	2,778,000	104.5%
Banca PA	249,593	136,931	182.3%	140,000	178.3%
<u>Tổng</u>	3,153,316	2,677,422	117.8%	2,918,000	108.1%

Tình hình bồi thường 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	2024	2023	So sánh (%)
Chi bồi thường nhận TBH (1)	1,204,849	1,025,531	117.5%
Thu bồi thường nhượng TBH (2)	632,980	562,583	112.5%
Tăng (giảm) dự phòng bồi thường (3)	215,563	53,130	406.9%
Bồi thường thuộc TNGL (4 = 1-2+3)	<u>787,433</u>	<u>516,078</u>	<u>152.7%</u>

Các tổn thất đơn lẻ lớn ghi nhận trong 2024

(Một số tổn thất lớn nhất theo trách nhiệm nhận của VINARE)

Đơn vị tính: USD

Tổn thất	Nghiệp vụ	Ngày tổn thất	100% tổn thất	TN nhận VNR	TNGL VNR
YAGI – EAR – REFRIGERATE LPG STORAGE - LPG	ENG	07/09/2024	13,370,000	3,275,650	601,953
JINKO SOLAR 2	PRO	07/09/2024	15,000,000	1,174,737	551,207
VIEN DONG 3	P&I	07/11/2024	909,960	755,156	125,574
WIHA VIETNAM	PRO	08/11/2024	2,520,000	504,000	302,400
YURA CORPORATION VINA	PRO	07/09/2024	2,018,571	498,587	135,647
WILMAR FLOUR	PRO	07/09/2024	7,257,668	434,574	260,746
YAGI – CONG TY CO PHAN CANG HAI PHONG	ENG	07/09/2024	3,725,885	409,847	53,533

Tổn thất do bão Yagi 2024

Đơn vị tính: Tr.VND

Nghệp vụ	Trách nhiệm Nhận TBH	Trách nhiệm Giữ lại	Trách nhiệm Giữ lại (sau thu đòi TBH)
Tài sản	398,699	239,839	213,852
Kỹ thuật	152,691	64,791	57,287
Hàng hải	18,271	16,622	16,622
Cộng	<u>569,662</u>	<u>321,254</u>	<u>287,762</u>

Dự phòng nghiệp vụ 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Trích bổ sung DP nghiệp vụ	31/12/2024	+/- trong kỳ	31/12/2023
Nhận tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	1,545,868	+252,732	1,293,136
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	1,970,144	+357,466	1,612,678
Nhượng tái bảo hiểm			
- Dự phòng phí	701,983	+61,759	640,224
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	996,700	+133,153	863,547
Kết dư dự phòng (net)			
- Dự phòng phí	843,885	+190,973	652,912
- Dự phòng bồi thường (Outstanding + IBNR)	974,074	+224,943	749,131
- Dự phòng dao động lớn	217,402	+6,372	211,030

Tình hình công nợ kinh doanh TBH

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

	Dưới 6T	6T - 1 năm	1 - 2 năm	2 - 3 năm	> 3 năm	Tổng
Công nợ phải thu	438,516	84,841	26,218	22,572	30,633	602,780
Công nợ phải trả	(444,517)	(106,259)	(42,813)	(16,443)	(33,272)	(643,304)
Net phải thu	(6,001)	(21,418)	(16,595)	6,130	(2,639)	(40,524)

Chi quản lý, bán hàng và dự phòng phải thu

Đơn vị tính: Triệu VNĐ

Chỉ tiêu	2024	2023	KH 2024	So sánh	
				Cùng kỳ	TH/KH
Chi quản lý	114,764	116,808	128,000	98.3%	89.7%
Dự phòng phải thu	5,500	12,344	5,000	44.4%	109.6%
<u>Tổng</u>	<u>120,264</u>	<u>129,153</u>	<u>133,000</u>	<u>92.1%</u>	<u>89.5%</u>

- ✓ Chi quản lý trích theo kết quả kinh doanh và theo kế hoạch.
- ✓ Trích lập bổ sung dự phòng phải thu khó đòi: 5.500 tỷ VNĐ theo quy định tại Thông tư 48/2019/TT-BTC.

Kết quả hoạt động đầu tư tài chính 2024

Các yếu tố ảnh hưởng hoạt động đầu tư

- Mặt bằng lãi suất tiếp tục xu hướng giảm, lãi suất tiết kiệm cá nhân 12T giảm 0.1% – 0.3%, lãi suất tiền gửi 12T của tổ chức giảm khoảng 0.75% - 1.06%.
- Kết thúc phiên giao dịch ngày 31/12/2024, chỉ số VN-Index đạt 1.266,78 điểm, tăng 12,1% so với cuối năm 2023. Tuy nhiên, thị trường chủ yếu bùng nổ trong quý 1, nhưng lại lành lình ảm đạm trong ba quý cuối năm.
- Trên thị trường TPDN, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp (TPDN) đạt 410 ngàn tỷ đồng, tăng 27% so với năm 2023, trong đó 92.6% là các đợt phát hành riêng lẻ.
- Thị trường bất động sản năm 2024 về cơ bản vẫn còn khó khăn.
- Hệ thống pháp luật về ngân hàng, chứng khoán, bất động sản tiếp tục được hoàn thiện.

Tình hình phân bổ vốn đầu tư

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

STT	Danh mục đầu tư	Giá trị đầu tư 31/12/2024	Giá trị đầu tư 01/01/2024	+/- so với đầu năm	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	3,000,000	2,854,000	146,000	54.3%
2	Trái phiếu ngân hàng	1,596,983	1,129,000	467,983	28.9%
3	Góp vốn DN khác	494,296	494,296	0	8.9%
4	Ủy thác đầu tư, CCQ	330,000	320,000	10,000	6.0%
5	Văn phòng cho thuê	954	2,773	-1,819	0.02%
6	Đầu tư BĐS	10,613	10,969	-356	0.2%
7	Khác (*)	92,526	5,387	87,139	1.7%
	Tổng cộng	<u>5,525,372</u>	<u>4,816,425</u>	<u>708,947</u>	<u>100.0%</u>

(*) Chủ yếu là tiền ngoại tệ (quy đổi) trên Tài khoản thanh toán

Kết quả hoạt động đầu tư & khác 2024

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Danh mục	2024			2023			KH 2024	So với 2023	So với KH 2024
	DThu	Chi phí	LN	DThu	Chi phí	LN	LN		
Tiền gửi	201,682	0	201,682	272,763	0	272,763	201,000	73.9%	100.3%
Trái phiếu	93,161	15	93,146	61,979	0	61,979	87,252	150.3%	106.8%
Góp vốn DN	59,133	741	58,392	123,814	(3,633)	127,446	129,000	45.8%	45.3%
Ủy thác đầu tư, CCQ	60,697	1,542	59,155	6,922	(14,288)	21,210	28,000	278.9%	211.3%
Cho thuê VP	7,799	2,208	5,591	6,497	2,143	4,354	3,748	128.4%	149.2%
Thu khác, CLTG	25,409	24,032	1,377	19,775	44,974	(25,199)	(19,000)	%	%
Tổng cộng	<u>447,881</u>	<u>28,538</u>	<u>419,343</u>	<u>491,750</u>	<u>29,196</u>	<u>462,554</u>	<u>430,000</u>	<u>90.7%</u>	<u>97.5%</u>

Các hoạt động khác 2024

Một số hoạt động trọng tâm

XÂY DỰNG THỂ CHẾ	Thực hiện
Quy chế Văn thư lưu trữ	NS-TH
Quy chế Quản lý và sử dụng hệ thống Công nghệ Thông tin	IT
TỔ CHỨC BỘ MÁY	Thực hiện
Hoàn thành bổ nhiệm lại đối với các vị trí cán bộ quản lý đến hạn và bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng	NS-TH
Rà soát, bổ sung quy hoạch các chức danh quản trị, điều hành	NS-TH
MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TRỌNG TÂM KHÁC	Thực hiện
Rating: tiếp tục duy trì FSR B++ và ICR bbb+	Team rating
Phát hành 02 Bản tin (tiếng Việt và tiếng Anh)	NS-TH, Tổ Biên tập
Tổ chức thành công Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập VINARE và các hoạt động gắn kết khách hàng nhân dịp kỷ niệm 30 năm thành lập	Ban Chỉ đạo, các Bộ phận liên quan
Nâng cấp hệ thống ViOffice	IT
Nâng cấp hệ thống bảo mật	IT

Phương hướng nhiệm vụ kinh doanh 2025

Dự báo tình hình kinh tế 2025

- Quốc hội đã thông qua mục tiêu tăng trưởng GDP 6.5 - 6.7% cho năm 2025, phần đầu 7 - 7.5%, khá thách thức trong bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới được dự báo còn đan xen giữa nhiều thuận lợi và cả khó khăn.
- Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng 8% trong năm 2025, tạo đà cho “kỷ nguyên vươn mình” ở những năm sau. Kinh tế Việt Nam được dự báo có nhiều hứa hẹn, kỳ vọng cơ cấu tăng trưởng sẽ đến từ các yếu tố nội tại, phục hồi thương mại, tăng cường hoạt động kinh doanh và đầu tư nước ngoài .
- Năm 2025 dự kiến mặt bằng lãi suất huy động sẽ giảm hoặc đi ngang do chính sách điều hành của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước.

Dự báo tình hình thị trường BH/ TBH 2025

- Theo Bộ Tài chính, cùng với các yếu tố nền tảng vĩ mô, tiềm năng, lợi thế của Việt Nam thì định hướng chiến lược và khuôn khổ pháp lý mới tạo kỳ vọng lớn để thị trường bảo hiểm Việt Nam có được “cú hích” về quy mô và chất lượng phát triển trong năm 2025 và các năm tiếp theo.
- Tổng doanh thu phí bảo hiểm ước tăng nhẹ so với năm 2024. Trong đó, doanh thu phí bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước tăng 10%, lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ước tăng 3%.
- Cạnh tranh trong khai thác các loại hình bảo hiểm thương mại gia tăng, đặc biệt với nghiệp vụ Tài sản khi áp dụng Nghị định 67/2023/NĐ-CP.
- Thiên tai ngày càng nghiêm trọng, có thể ảnh hưởng lớn và tiêu cực đến bồi thường bảo hiểm và tái bảo hiểm.
- Xu hướng “soft” của thị trường tái bảo hiểm quốc tế đã quay trở lại trong mùa tái tục 2024/2025 vừa qua và sẽ có những tác động đa chiều đến các hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm của các doanh nghiệp. Với xu hướng này, dự kiến tình hình cạnh tranh trong khai thác trên thị trường (đặc biệt với các nghiệp vụ bảo hiểm thương mại) sẽ khó có những cái thiện tích cực trong năm 2025.

Chủ trương của VINARE 2025

- **Chủ trương chung**: Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, chương trình TBH, các giải pháp phát triển bền vững);
- **Một số lĩnh vực cụ thể**:
 - ❖ **Kinh doanh Tái bảo hiểm**
 - Tuân thủ kỷ luật khai thác, đánh giá và lựa chọn rủi ro cẩn trọng, đảm bảo có lãi từ kinh doanh nghiệp vụ, không chạy đua theo doanh số
 - Tiếp tục tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới.
 - Tiếp tục tìm kiếm giải pháp nâng thị phần phí nhận TBH Kỹ thuật và các nghiệp vụ truyền thống có lãi.
 - Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá), Tài sản
 - Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm
 - Tham gia một cách có kiểm soát chặt chẽ nghiệp vụ BH xe cơ giới trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc an toàn, hiệu quả và đảm bảo biên khả năng thanh toán.

Chủ trương của VINARE 2025

❖ Tổ chức bộ máy và quản trị công ty

- Tiếp tục hoàn chỉnh Tổ chức bộ máy quản trị công ty và các chính sách về phát triển nhân sự, quản trị công ty

❖ Đầu tư:

- Thường xuyên rà soát, nâng cao chất lượng danh mục đầu tư, đảm bảo An Toàn – Thanh khoản – Hiệu quả.
- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn
- Tăng cường giám sát hoạt động ủy thác đầu tư
- Thường xuyên rà soát tài sản đầu tư, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp lý; thường xuyên đánh giá rủi ro các khoản mục đầu tư.
- Tiếp tục thúc đẩy tiến trình giải quyết công nợ và các dự án của VINARE Invest

Kế hoạch kinh doanh 2025

Đơn vị tính: Tr. VNĐ

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025	Thực hiện 2024	Tăng trưởng
Tổng doanh thu (bao gồm Doanh thu phí bảo hiểm, Doanh thu hoạt động tài chính, các doanh thu khác có liên quan)	3,594,000	3,328,703	8.0%
Lợi nhuận trước thuế	503,000	465,332	8.1%
Tỷ lệ cổ tức dự kiến	10% bằng tiền	10% bằng tiền 10% bằng cổ phiếu	

Nhiệm vụ trọng tâm 2025

1. Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2025 và các mục tiêu của kế hoạch kinh doanh 2025 - 2029.
2. Xây dựng và triển khai Đề án tái cơ cấu VINARE
3. Phát triển, đẩy mạnh các nghiên cứu/đề xuất về sản phẩm, dịch vụ mới.
4. Tăng cường giải pháp/ năng lực TBH cho thị trường.
5. Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường.
6. Đánh giá và hoàn thiện các chính sách phát triển nguồn lực.
7. Tăng cường quản lý rủi ro (Rủi ro nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng về QLRR cho thị trường).
8. Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm AM Best.
9. Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả.
10. Nâng cao năng lực đầu tư, giám sát chặt chẽ các danh mục, thực hiện đánh giá định kỳ.

